

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 8****I. TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Số liền sau của số 75 299 là:

- A. 7 5289      B. 75 298      C. 75 300      D. 75 301

**Phương pháp**

Muốn tìm số liền sau của một số ta lấy số đó trừ 1.

**Cách giải**

Số liền sau của số 75 299 là **75 300**.

**Chọn C.**

**Câu 2.** Trong các số 85 723, 78 529, 72 587, 87 525, số lớn nhất là:

- A. 85 723      B. 78 529      C. 72 587      D. 87 525

**Phương pháp**

So sánh các số để xác định số lớn nhất.

**Cách giải**

Ta có  $72\ 587 < 78\ 529 < 85\ 723 < 87\ 525$

Vậy số lớn nhất là **87 525**.

**Chọn D.**

**Câu 3.** Gia đình Mai lên ô tô khởi hành từ Hà Nội lúc 6 giờ 15 phút và đến Hải Phòng lúc 9 giờ rưỡi. Thời gian gia đình Mai đi từ Hà Nội đến Hải Phòng là:

- A. 3 giờ 30 phút      B. 195 phút      C. 180 phút      D. 2 giờ 45 phút

**Phương pháp**

- Thời gian từ Hà Nội đến Hải Phòng = Thời điểm đến Hải Phòng – Thời điểm khởi hành

- Áp dụng cách đổi: 1 giờ = 60 phút

**Cách giải**

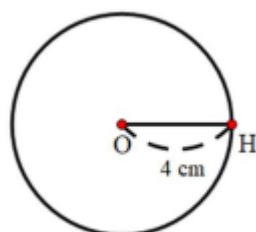
Thời gian gia đình Mai đi từ Hà Nội đến Hải Phòng là:

9 giờ 30 phút – 6 giờ 15 phút = 3 giờ 15 phút

Đổi: 3 giờ 15 phút = 195 phút

**Chọn B.**

**Câu 4.** Cho hình vẽ sau:



Độ dài đường kính của hình tròn tâm O là:

- A. 2 cm                      B. 8 cm                      C. 4 cm                      D. 12 cm

### Phương pháp giải

- Quan sát hình vẽ để tìm bán kính của hình tròn
- Đường kính = bán kính x 2

### Cách giải

Ta thấy hình tròn có bán kính là 4 cm

Vậy đường kính của hình tròn là  $4 \times 2 = 8$  cm

### Chọn B

**Câu 5.** Diện tích của hình chữ nhật có chiều dài 12 cm, chiều rộng 7 cm là:

- A. 84 cm<sup>2</sup>                      B. 38 cm                      C. 38 cm<sup>2</sup>                      D. 84 cm

### Phương pháp

Diện tích của hình chữ nhật = Chiều dài x chiều rộng

### Cách giải

Diện tích của hình chữ nhật là

$$12 \times 7 = 84 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 84 cm<sup>2</sup>

### Chọn A.

**Câu 6.** Nam mua 5 quyển vở và đưa cô bán hàng tờ 100 000 đồng. Cô bán hàng trả lại Nam 35 000 đồng. Vậy mỗi quyển vở Nam mua có giá là:

- A. 13 000 đồng                      B. 15 000 đồng                      C. 16 000 đồng                      D. 18 000 đồng

### Phương pháp

- Tìm số tiền Nam mua 5 quyển vở = Số tiền Nam đưa cô bán hàng – Số tiền được trả lại
- Tìm giá tiền mỗi quyển vở = số tiền Nam mua 5 quyển vở : 5

### Cách giải

Số tiền Nam mua 5 quyển vở là

$$100\ 000 - 35\ 000 = 65\ 000 \text{ (đồng)}$$

Mỗi quyển vở Nam mua có giá là

$$65\ 000 : 5 = 13\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 13 000 đồng

### Chọn A.

## II. TỰ LUẬN

**Câu 1.** Đặt tính rồi tính.

a)  $16\ 752 + 5308$

b)  $72\ 840 - 45\ 117$

c)  $14\ 116 \times 7$

c)  $85\ 348 : 5$

**Phương pháp**

- Đặt tính
- Với phép cộng, phép trừ: Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái
- Với phép nhân: Thực hiện nhân lần lượt từ phải sang trái
- Với phép chia: Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải

**Cách giải**

$$\begin{array}{r} 16752 \\ + 5308 \\ \hline 22060 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72840 \\ - 45117 \\ \hline 27723 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14116 \\ \times 7 \\ \hline 98812 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 85348 \quad | \quad 5 \\ 35 \quad | \quad 17069 \\ \hline 03 \\ \hline 34 \\ \hline 48 \\ \hline 3 \end{array}$$

**Câu 2.** Tính giá trị của biểu thức:

a)  $23\ 418 + 51\ 205 : 5$

b)  $29\ 491 \times (17\ 380 - 17\ 376)$

**Phương pháp**

- a) Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.
- b) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc ta thực hiện ở trong ngoặc trước

**Cách giải**

$$\begin{aligned} \text{a) } 23\ 418 + 51\ 205 : 5 &= 23\ 418 + 10\ 241 \\ &= 33\ 659 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 29\ 491 \times (17\ 380 - 17\ 376) &= 29\ 491 \times 4 \\ &= 117\ 964 \end{aligned}$$

**Câu 3.** Số?

3 m = ..... mm

14 000 ml = ..... l

5 kg 28 g = ..... g

7 000 cm = ..... m

**Phương pháp**

Áp dụng cách đổi:

1 m = 1 000 mm ; 1 l = 1 000 ml

1 kg = 1 000g ; 1 m = 100 cm

### Cách giải

3 m = 3 000 mm

14 000 ml = 14 ℓ

5 kg 28 g = 5 028 g

7 000 cm = 70 m

**Câu 4.** Trong hũ có 5 cái kẹo, trong đó có 3 kẹo màu đỏ và 2 kẹo màu xanh. Bạn Mai nhắm mắt và lấy bất kì 2 cái kẹo trong hũ. Hỏi các sự kiện có thể xảy ra là gì?



### Phương pháp

Mô tả các sự kiện có thể xảy ra khi lấy 2 cái kẹo trong hũ.

### Cách giải

Các sự kiện có thể xảy ra khi lấy bất kì 2 cái kẹo trong hũ là:

- Mai có thể lấy được 2 chiếc kẹo màu đỏ
- Mai có thể lấy được 2 chiếc kẹo màu xanh
- Mai có thể lấy được 1 chiếc kẹo màu đỏ, 1 chiếc kẹo màu xanh

**Câu 5.** Trường tiểu học Minh Khai tổ chức cho giáo viên và học sinh đi tham quan trong đó có 6 chiếc xe ô tô loại 45 chỗ và 1 chiếc xe ô tô loại 30 chỗ là vừa đủ ghế cho tất cả mọi người. Hỏi trường tiểu học Minh Khai đã tổ chức cho bao nhiêu người đi tham quan?

### Phương pháp

- Tìm số người trên các xe loại 45 chỗ = Số người trên mỗi xe x số xe loại 45 chỗ
- Tìm số người đi tham quan tất cả = Số người trên xe 45 chỗ + số người trên xe 30 chỗ.

### Cách giải

Tóm tắt

Xe 45 chỗ: 6 xe

Xe 30 chỗ: 1 xe

Tất cả: ? người

Bài giải

Số người trên các xe ô tô loại 45 chỗ là

$$45 \times 6 = 270 \text{ (người)}$$

Số người đi tham quan của trường tiểu học Minh Khai là

$$270 + 30 = 300 \text{ (người)}$$

Đáp số: 300 người